|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD & ĐT ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ**    Số: 432/KH-TrTHCS | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *Đông Triều, ngày 02 tháng 10 năm 2020* |

**KẾ HOẠCH**

**Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học**

**Năm học 2020 - 2021**

Thực hiện Thông tư 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 22/12/2011 của Bộ GD&DDT về quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT và Thông tư 26/2020/TT-BGD ĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT;

Thực hiện công văn số 1009/PGD&ĐT-THCS ngày 22/9/2020 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục Trung học năm học 2020-2021;

Tiếp tục thực hiện công văn 748/PGD&ĐT-THCS, ngày 22/8/2019 của phòng GD&ĐT Đông triều về việc kết luận sau Hội nghị tập huấn “Đổi mới kiểm tra theo hướng phát triển năng lực người học” cấp THCS năm học 2019-2020;

Trường THCS Nguyễn Huệ xây dựng kế hoạch thực hiện đổi mới đổi mới kiểm  tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học như sau:

**A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Đội ngũ giáo viên, nhân viên**

        Năm học 2020-2021 trường THCS Nguyễn Huệ có 16 giáo viên, trong đó:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thống kê** | **Số lượng** | | | **Trình độ chuyên môn** | | | **Trình độ lý luận CT** | **Số Đảng viên** |
| **Biên chế** | **HĐ không XĐTH** | **HĐ**  **1 năm** | **CĐ** | **ĐH** | **TS** |
| GV | 16 | 0 | 0 | 4 | 12 | 0 | Trung cấp 1 | 8 |

**2. Học sinh**

- Năm học 2020-2021 trường THCS Nguyễn Huệ có 08 lớp; tổng số học sinh là 307 em/158 nữ; Chia ra:

+ Khối 6: 2 lớp/86 HS

+ Khối 7: 2 lớp/78 HS

+ Khối 8: 2 lớp/70 HS

+ Khối 9: 2 lớp/73 HS

**3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

          - Có 08 phòng học; có 04 phòng bộ môn trong đó có 1 phòng  học Tin học phòng học thông minh, phòng Vật lí-Công Nghệ, phòng Hóa-Sinh.

- Hàng năm nhà trường mua sắm bổ sung, sửa chữa các trang thiết bị, đồ dùng dạy học và tài liệu tham khảo liên quan đến đổi mới phương pháp dạy học và đổi mới kiểm tra đánh giá; xây dựng nguồn học liệu trên trang Web;

**4**. **Đánh giá tình hình thực hiện đổi mới KT-ĐG của nhà trường trong thời gian qua**

- Hàng năm BGH đã chỉ đạo các giáo viên và tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch đổi mới kiểm tra đánh giá theo các bộ môn và được tổ chuyên môn cũng như BGH kiểm tra đánh giá quá trình thực hiện đổi mới KT-ĐG thường xuyên. Song chưa được cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá, việc đánh giá về nghiệp vụ giáo viên, về đổi mới quá trình giáo dục. Do đó hiệu quả tác động đến đổi mới của giáo viên chưa cao, đôi khi mang tính bình quân chủ nghĩa, nể nang trong đánh giá vẫn còn.

- Cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho dạy và học theo hướng đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng trát triển năng lực người học đã được nhà trường chú trọng đầu tư, đặc biệt hệ thống thiết bị công nghệ thông tin phòng học thông minh, và các phòng học bộ môn đủ để cho giáo viên tiếp cận với việc đổi mới KT- ĐG cho học sinh, nên việc KT- ĐG học sinh ở các bộ môn không chỉ dừng lại là kiểm tra viết mà đã được giáo viên thay đổi hình thức kiểm tra như chấm bài thực hành, phiếu học tập, chấm vở bài tập của học sinh...

**B. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

1. Tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy chế ở tất cả các khâu ra đề, coi, chấm và nhận xét, đánh giá học sinh; đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của họcsinh.

2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá qua các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học kĩ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video…) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Giáo viên có thể sử dụng các hình thức đánh giá nói trên thay cho các bài kiểm tra hiện hành (bài kiểm tra thường xuyên, bài thựchành). Hình thức đánh giá phải được thể hiện cụ thể trong hồ sơ giáo án.

3. Tổ trưởng chuyên môn tập hợp kế hoạch kiểm tra của các bộ môn trong tổ, kiểm tra tính chính xác và trình Ban giám hiệu nhà trường phê duyệt trước khi triển khai thực hiện. Kế hoạch này phải có trong hồ sơ chuyên môn của giáo viên, tổ chuyên môn, đơn vị để làm căn cứ để thực hiện và phục vụ cho công tác kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

4. Thực hiện nghiêm túc việc xây dựng đề kiểm tra định kì theo ma trận và viết câu hỏi phục vụ ma trận đề. Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu: Nhận biết (nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kĩ năng đã học); Thông hiểu (diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kĩ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, phân tích, giải thích, so sánh, áp dụng trực tiếp kiến thức, kĩ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập); Vận dụng (kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học); Vận dụng cao (vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lí trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống). Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh, giáo viên xác định tỉ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỉ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

5. Đối với các bài kiểm tra định kì, kết hợp một cách hợp lí giữa hình thức tự luận với trắc nghiệm khách quan, giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành.

6. Với mỗi môn học, cần tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước đối với các môn khoa học xã hội để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội.

7. Tích cực tham gia các hoạt động chuyên môn trên trang mạng "Trường học kết nối" về đổi mới phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh. Mỗi học kì, mỗi tổ chuyên môn của nhà trường phải xây dựng được ít nhất 01 chuyên đề dạy học để đưa lên trên trang mạng "Trường học kết nối" theo yêu cầu trên. Mỗi bộ môn phải xây dựng được 01 bộ đề kiểm tra định kì hoàn chỉnh của các khối lớp để bổ sung vào thư viên để thi của nhà trường, của ngành.

**C. NHIỆM VỤ CỤ THỂ**

**I. Chỉ tiêu**

       - 100% Tổ trưởng chuyên môn và giáo viên được tham gia tập huấn về đổi mới KT đánh giá theo năng lực học sinh.

- 100% các tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả đổi mới SH chuyên môn đổi mới cách thức KT các bộ môn theo đúng hướng dẫn đã được tập huấn.

- 100% GVBM xây dựng kế hoạch đổi mới KT-ĐG và nghiêm túc thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt.

- 100% Đề kiểm tra gữa kỳ và cuối kỳ của GV được tổ chuyên môn phê duyệt và được lưu giữ trong hồ sơ tổ.

**II. Các biện pháp**

**1. Xây dựng Kế hoạch kiểm tra**

**-** Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch kiểm tra KT-ĐG chi tiết, rõ ràng, đầy đủ ở tất cả các môn, thống nhất thời điểm kiểm tra thường xuyên trong khối lớp; phổ biên, quán triệt tới toàn thể giáo viên, tổ chuyên môn triển khai thực hiện.

**2. Tổ chức kiểm tra chung theo khối lớp đối với các môn học**

**2.1. Đối với bài kiểm tra giữa kỳ**

- Từ năm học 2020-2021, thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ chung theo khối đối với tất cả các khối lớp. Nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch kiểm tra trong đó thống nhất thời điểm kiểm chung cho các lớp trong khối cụ thể như sau:

+ Học kỳ 1: thống nhất vào tuần 9

+ Học kỳ 2: thống nhất vào tuần 27

- Các giáo viên dạy trong 1 khối đều phải ra đề kiểm tra, Ban giám hiệu lựa chọn 1 trong số các đề hoặc tất cả các đề làm đề kiểm tra chính thức, chịu trách nhiệm về tính bảo mật của đề kiểm tra. Bài kiểm tra được lưu tại nhà trường đến khi kết thúc năm học phục vụ công tác kiểm tra của các cấp quản lý. Sau mỗi bài kiểm tra cần có đánh giá phân tích về ưu điểm, nhược điểm trong họp tổ/nhóm chuyên môn để phát huy ưu điểm, khắc phục nhược điểm ở bài kiểm tra sau nhằm làm tốt việc kiểm tra đánh giá theo hướng phát triển năng lực học sinh.

**2.2. Đối với bài kiểm tra cuối kỳ**

- Thực hiện theo công văn hướng dẫn của Phòng GD&ĐT.

**3. Yêu cầu về đề kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh**

- Đối với bài kiểm tra thường xuyên:

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn học, hoạt động giáo dục trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

+ Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập;

+ Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư 26.

- Đối với các bài kiểm tra định kỳ:

+ Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá định kì bằng bài kiểm tra trên giấy hoặc trên máy tính từ 45 phút đến 90 phút. Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đảm bảo 4 mức độ yêu cầu (nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao) của các câu hỏi/bài tập để kiểm tra, đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh trong dạy học. Xây dựng nội dung đề kiểm tra bao quát, thực tiễn tiếp cận đánh giá năng lực học sinh, tăng dần các dạng câu hỏi vận dụng, câu hỏi liên hệ với việc giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Bài kiểm tra kết hợp một cách hợp lí giữa kiểm tra lí thuyết và kiểm tra thực hành; tiếp tục nâng cao yêu cầu vận dụng kiến thức liên môn vào thực tiễn; tăng cường ra các câu hỏi mở, gắn với thời sự quê hương, đất nước để học sinh được bày tỏ chính kiến của mình về nhân vật, sự kiện lịch sử, về giá trị các di sản để lại, vềcác vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội của địa phương….

- Quan tâm nhiều hơn đến sự tiến bộ và khả năng của mỗi cá nhân được bộc lộ trong quá trình học tập.

- Tạo điều kiện để HS tự đánh giá (cá nhân tự đánh giá, đánh giá nhóm, đánh giá lẫn nhau).

**4. Hệ số điểm, số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên và định kì**

**4.1. Hệ số điểm**

- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên (viết tắt là ĐĐGtx): tính hệ số 1.

- Điểm kiểm tra, đánh giá giữa kì (viết tắt là ĐĐGgk): tính hệ số 2.

- Điểm kiểm tra, đánh giá cuối kì (viết tắt là ĐĐGck): tính hệ số 3.

**4.2. Số điểm KTĐG thường xuyên và định kì**

Trong mỗi học kì, số ĐĐGtx, ĐĐGgk và ĐĐGck của một học sinh đối với từng môn học, hoạt động giáo dục (bao gồm cả chủ đề tự chọn) như sau:

**a. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên**

- Môn học có từ 35 tiết trở xuống/năm học: 2 ĐĐGtx;

- Môn học có từ trên 35 tiết đến 70 tiết/năm học: 3 ĐĐGtx;

- Môn học có từ trên 70 tiết/năm học: 4 ĐĐGtx.

**b. Kiểm tra, đánh giá định kì**

- Trong mỗi học kì, một môn học có 01 (một) ĐĐGgk và 01 (một) ĐĐGck;

- Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

**5. Về hình thức đề kiểm tra, hướng dẫn chấm**

Thống nhất theo khung mẫu tại công văn 748/PGD&ĐT-THCS, ngày 22/8/2019 của phong GD&ĐT Đông triều về việc kết luận sau Hội nghị tập huấn “Đổi mới kiểm tra theo hướng phát triển năng lực người học” cấp THCS năm học 2019-2020, cụ thể:

**5.1. Đối với bài kiểm tra giữa kì**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ…**  **NĂM HỌC…** |

**MÔN: …….**

Ngày kiểm tra: **…/…/…..**

Thời gian làm bài: **….** phút

**Câu 1.** (..... điểm)

**Câu 2.** (….. điểm)

**Câu 3.** (…. điểm)

**Câu 4.** (…..điểm

*---------------------Hết-------------------*

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ** | **ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI KT GIỮA KỲ…**  **NĂM HỌC…**  **MÔN:…** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1. (..... điểm)** | **a,** |  |  |
| **b,** |  |  |
| **c,** |  |  |
| **....** |  |  |
| **Câu ... (..... điểm)** | a, |  |  |
| b, |  |  |
| …. |  |  |
| **Tổng** | | | **10** |

|  |  |
| --- | --- |
| **5.1. Đối với bài kiểm tra cuối kì**  PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **NĂM HỌC ……..** |

**MÔN: …….**

Ngày kiểm tra: **…/…/…..**

Thời gian làm bài: **….** phút

**Câu 1.** (..... điểm)

**Câu 2.** (….. điểm)

**Câu 3.** (…. điểm)

**Câu 4.** (…..điểm)

……………………

*---------------------Hết--------------------*

*- Học sinh……sử dụng tài liệu. Giám thị coi kiểm tra không giải thích gì thêm.*

Họ tên học sinh…………………………….lớp:…………….SBD………….

Chữ ký giám thị:………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT TX ĐÔNG TRIỀU  **TRƯỜNG THCS NGUYỄN HUỆ** | **ĐÁP ÁN-BIỂU ĐIỂM CHẤM KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **NĂM HỌC ………**  **MÔN: ………..** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 1. (..... điểm)** | **a,** |  |  |
| **b,** |  |  |
| **c,** |  |  |
| **....** |  |  |
| **Câu ... (..... điểm)** | a, |  |  |
| b, |  |  |
| …. |  |  |
| **Tổng** | | | **10** |

**6. Về câu hỏi trắc nghiệm**: sử dụng câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn

**7. Giáo án bài kiểm tra**

- Bài kiểm tra thường xuyên: đối với bài kiểm tra viết cần có đề bài và đáp án, biểu điểm các hình thức kiểm tra khác cần có yêu cầu và định hướng kết quả cần đạt.

- Bài kiểm tra định kỳ: theo các bước sau:

I. Mục tiêu

1. Kiến thức (thể hiện rõ yêu cầu về 4 mức độ tư duy)

2. Kĩ năng

3. Thái độ

4. Định hướng phát triển năng lực (năng lực chung, năng lực chuyên biệt)

II. Hình thức kiểm tra

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận: Tỉ lệ: …% (TNKQ) và …% (TL).

III. Ma trận (Bảng ma trận)

IV. Đề kiểm tra

Phần 1. Trắc nghiệm khách quan

Phần 2. Tự luận

V. Đáp án, biểu điểm

VI. Kết quả kiểm tra: Thống kê số lượng điểm kiểm tra, tỷ lệ % của học sinh các lớp theo từng mức điểm

VII. Rút kinh nghiệm

**8. Quy định cách thức xây dựng đề kiểm tra ở các môn**

**8.1. Môn Ngữ văn**

**a. Cấu trúc đề kiểm tra**

- KTCK + KT VĂN: I. Đọc hiểu

II. Tập làm văn (Làm văn)

- KT TIẾNG VIỆT: I. Trắc nghiệm

II. Tự luận

- VIẾT TẬP LÀM VĂN: I. Trắc nghiệm hoặc Đọc hiểu

II. Tập làm văn

**b. Xây dựng câu hỏi ra đề kiểm tra**

- Dạng câu hỏi TNKQ nhiều lựa chọn.

- Câu trả lời ngắn nằm trong phần đọc hiểu.

- Đề KT giữa kỳ: Thời gian 90 phút, gồm phần Tự luận, nếu đã kiểm tra năng lực tạo lập đoạn văn thì thôi năng lực tạo lập văn bản.

- Đề KT cuối kỳ: Thời gian 90 phút, phần Tự luận phải đảm bảo kiểm tra cả hai năng lực tạo lập đoạn văn và tạo lập văn bản

**8.2. Môn Lịch sử**

**a. Hình thức kiểm tra**

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, 1 tiết, học kì. Tỉ lệ: TNKQ (40%) + TL (60%) ở các khối 6,7,8,9.

**b. Số lượng điểm KTTX:** quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**c. Nội dung ra đề**

- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

+ Nhận biết và thông hiểu: 60% - 70%.

+ Vận dụng: 30% - 40% (trong đó Vận dụng cao: 10% - 20%).

**8.3. Môn GDCD**

**a. Hình thức đề kiểm tra**

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, KTGK và KTCK.

- Tỉ lệ: TNKQ (30%) + TL (70%) ở các khối 6,7.

- Tỉ lệ: TNKQ (40%) + TL (60%) ở các khối 8, 9.

**b. Số lượng điểm KTTX:**quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**c. Nội dung ra đề**

- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

+ Nhận biết và thông hiểu: 60% - 70%.

+ Vận dụng : 30% - 40% (Vận dụng cao: 10% - 20%)

**8.4. Môn Toán**

**a. Hình thức, nội dung đề kiểm tra**

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, kiểm tra GK và KTCK ở các khối 6, 7, 8, 9.

Cụ thể:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khối | Trắc nghiệm | Tự luận |
| 6 | 20% | 80% |
| 7 | 30% | 70% |
| 8 | 40% | 60% |
| 9 | 50% | 50% |

- Nội dung: Bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng môn Toán.

\* Với đề kiểm tra giữa kì (Thời gian KT 90 phút)

+ Ma trận đề xây dựng theo công văn 8773/BGDĐT-GDTrH.

+ Tính trọng số cho mỗi chủ đề theo công thức: số tiết của chủ đề/ số tiết toàn chương.

+Tỉ lệ cho các cấp độ trong đề:

|  |  |
| --- | --- |
| Cấp độ | Tỉ lệ |
| Nhận biết | 20% - 25% |
| Thông hiểu | 40% - 35% |
| Vận dụng thấp | 30% |
| Vận dụng cao | 10% |

\* Với bài kiểm tra cuối kỳ: (Thời gian KT 90 phút)

+ Ma trận đề theo công văn 8773/BGDĐT-GDTrH.

+ Cấp độ: theo tỉ lệ các cấp độ trong bài kiểm tra định kỳ.

+ Tỉ lệ giữa đại số (số học) và hình học như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khối | Tỉ lệ | |
| Đại số (số học) | Hình học |
| 6 | 80% | 20% |
| 7 | 65% | 35% |
| 8 | 65% | 35% |
| 9 | 65% | 35% |

**b. Số lượng điểm KTTX**

+ Quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

+ Đối với kiểm tra thường xuyên theo hình thức viết 15 phút các cấp độ trong đề kiểm tra thực hiện theo tỉ lệ của cấp độ trong bài kiểm tra định kỳ (không xây dựng ma trận đề trong kế hoạch dạy học)

**8.5. Môn Vật lý**

**a. Hình thức đề kiểm tra**

- Kết hợp trắc nghiệm khách quan (TNKQ) với tự luận (TL) ở cả bài kiểm tra 15 phút, kiểm tra 1 tiết và kiểm tra học kì ở các khối 6, 7, 8, 9.

- Với bài kiểm tra thường xuyên:

+ Đối với bài kiểm tra viết giấy làm tại lớp kết hợp TNKQ và TL với tỉ lên 40% TNKQ và 60%TL.

- Với bài kiểm tra giữa kì: thời gian KT 45 phút; bám sát kế hoạch dạy học và phân phối chương trình.

- Hình thức trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận:

+ Khối 6,7: 30% TNKQ và 70% TL

+ Khối 8,9: 50%TNKQ và 50% TL

- Xây dựng ma trận

Bảng tính trọng số và số câu hỏi trong đề kiểm tra thống nhất theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tổng số tiết** | **TS tiết**  **LT** | **Số tiết quy đổi** | | **Số câu** | | | | **Điểm số** | |
| **BH** | **VD** | **BH** | | **VD** | | **BH** | **VD** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |  |
| Chủ đề 1:................. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chủ đề ................... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Bảng ma trận theo mẫu dành cho đề kiểm tra kết hợp giữa TNKQ và TL:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhân biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | | **Tổng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **VD thấp** | | | **VD cao** | |
| **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Chủ đề 1** | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | |  |
| *Số câu* |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| *Số điểm* |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| *Tỉ lệ %* |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |
| **Chủ đề 2** | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | |  |
| *Số câu* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| *Số điểm* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| *Tỉ lệ %* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| **Chủ đề n** | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | | | Chuẩn KT, chuẩn KN cần kiểm tra | |  |
| *Số câu* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| *Số điểm* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| *Tỉ lệ %* |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| **TS câu** |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| **TS điểm** |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |

**b. Số lượng điểm KTTX:** quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**c. Nội dung ra đề**

- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

+ Nhận biết và thông hiểu: 60% (trong đó nhận biết từ 20-30%)

+ Vận dụng: 40% (Vận dụng cao: 10%)

**8.6. Môn Địa lý**

**a. Hình thức đề kiểm tra**

- Đối với bài kiểm tra thường xuyên

+ Kiểm tra viết giấy: Có thể TNKQ 100% hoặc kết hợp TNKQ và TL. 1,0 điểm cho một câu TNKQ.

- Đối với bài kiểm tra định kì: Thời gian KT 45 phút

\* Ma trận đề

+ Theo khung mẫu chuẩn bộ môn.

+ Dùng các động từ phù hợp với các cấp độ nhận thức

+ Tỉ lệ phù hợp với các cấp độ nhận thức

\* Đề kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận với tỉ lệ

+ Khối 6,7 trắc nghiệm khách quan: 30%

+ Khối 8,9 trắc nghiệm khách quan: 40%

+ Mỗi câu TNKQ đạt 0,25 điểm

**b. Số lượng điểm KTTX:** quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**c. Nội dung ra đề**

- Bám sát chuẩn kiến thức kĩ năng.

- Kiến thức đảm bảo độ phủ theo 4 mức độ tư duy, dựa trên thực tế nhận thức của học sinh của từng lớp, từng trường để lựa chọn tỉ lệ các mức độ tư duy cho phù hợp. Cụ thể yêu cầu tỉ lệ cho các mức độ như sau:

- Nhận biết và thông hiểu: 60% - 70%.

- Vận dụng : 30% - 40% (Vận dụng cao: 10% - 20%)

**8.7. Môn Hóa học**

**a. Hình thức đề kiểm tra**

- Tỉ lệ TNKQ-TL= 40% - 60%. Chỉ sử dụng câu hỏi nhiều lựa chọn.

**b. Số lượng điểm KTTX *:*** quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**c. Nội dung đề kiểm tra**

- Tỉ lệ các mức độ nhận thức:

+ Nhận biết: 30-35%

+ Thông hiểu: 25- 30%

+ Vận dụng: 25- 30%

+ Vận dụng cao: 10- 15%

- Tăng cường xây dựng các bài tập thực nghiệm, bài tập thực tiễn nhằm củng cố lí thuyết, rèn luyện kĩ năng thực hành và kĩ năng vận dụng giải thích các hiện tượng thực tiễn.

- Bài tập về giải thích hiện tượng thí nghiệm có dùng hình vẽ, sơ đồ.

**8.8. Môn Sinh học**

**a. Đối với bài kiểm tra định kỳ**

+ Thời gian KT 45 phút

+ Hình thức ra đề KT: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận

+ Tỉ lệ phần trăm của 2 hình thức: Đối với lớp 6, 7: 40% TN, 60% TL

Đối với lớp 8, 9: 50% TN, 50% TL

+ Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 0,5 điểm.

+ Tỉ lệ kiến thức ở 4 cấp độ tư duy như sau: Nhận biết 40%, Thông hiểu 30%, Vận dụng thấp: 20%, Vận dụng cao: 10%

+ Ma trận đề kiểm tra theo khung mẫu sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ  Tên  chủ đề  (Nội dung chương | Cấp độ 1  (Nhận biết) | | Cấp độ 2  (Thông hiểu) | | Cấp độ 3  (Vận dụng thấp) | | Cấp độ 4  (Vận dụng cao) | | Cộng |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |  |
| **Chủ đề 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số câu* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *Số điểm*  *Tỉ lệ* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Chủ đề n** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số câu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Số điểm  *Tỉ lệ* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Tổng số câu***  ***TS điểm***  ***Tỉ lệ*** | Số câu  Số điểm  % | | Số câu  Số điểm  % | | Số câu  Số điểm  % | | Số câu  Số điểm  % | | Số câu  Số điểm  % |

**b. Đối với đề kiểm tra thường xuyên**

- Không cần xây dựng ma trận đề KT. Mỗi học kỳ có ít nhất 1 bài kiểm tra viết

+ Hình thức ra đề KT viết: Kết hợp cả 2 hình thức trắc nghiệm và tự luận

+ Tỉ lệ phần trăm của 2 hình thức: 30% TN : 70% TL

+ Điểm cho mỗi câu trắc nghiệm là 1,0 điểm.

**c. Số lượng điểm KTTX:**quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**8.9. Môn Tiếng Anh**

- Tiếp tục thực hiện theo công văn số 901/PGD&ĐT-THCS ngày 01/10/2019 của Phòng GD&ĐT thị xã Đông Triều về việc chỉ đạo chuyên môn đối với mônTiếng Anh cấp THCS năm học 2019-2020, cụ thể:

+ Công tác thiết lập biên soạn ra đề kiểmtra theo định hướng phát triển năng lực học sinh: Tiếp tục thực hiện Công văn số 5333/BGDĐT-GDTrH ngày 29/9/2014 của Bộ GD&ĐT về việc sử dụng định dạng đề thi đánh giá năng lực tiếng Anh dành cho học sinh phổ thông tư năm học 2015- 2016; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ cả 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết. Các bài kiểm tra cần được thiết kế theo 4 mức độ nhận thức (nhận biết 30%; thông hiểu 40%; Vận dụng thấp 20%; Vận dụng cao 10%). Ma trận bài kiểm tra cần đảm bảo chuẩn nội dung cần đánh giá, tỷ lệ, số câu, số điểm của các mức độ vận dụng. Cập nhật những dạng bài tập, nhiệm vụ cho mỗi kỹ năng theo tiếp cận phát triển năng lực.

+ Thực hiện kiểm tra chung theo khối đảm bảo công bằng cho học sinh. Các trường tổchức ra đề kiểm tra cuối kỳ theo cụm trường.

- Số lượng điểm KTTX:quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**8.10. Các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục**

- Tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT.Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả các bài kiểm tra theo hai mức:

+ Đạt yêu cầu (Đ): Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau: Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra; Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

+ Chưa đạt yêu cầu (CĐ): Các trường hợp còn lại.

- Số lượng điểm KTTX:quy định theo TT 26/2020/TT-BGDĐT

**8.11. Đánh giá học sinh khuyết tật**

- Việc đánh giá kết quả giáo dục của học sinh khuyết tật được thực hiện theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và tiến bộ của người học.

- Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục hòa nhập, kết quả giáo dục môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung được đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân; không đánh giá những nội dung môn học, môn học hoặc nội dung giáo dục được miễn*.*

- Đối với học sinh khuyết tật học tập theo phương thức giáo dục chuyên biệt, kết quả giáo dục của môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chuyên biệt được đánh giá theo quy định dành cho giáo dục chuyên biệt. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh khuyết tật không có khả năng đáp ứng yêu cầu giáo dục chuyên biệt thì đánh giá theo kết quả thực hiện Kế hoạch giáo dục cá nhân.".

**9. Xây dựng kế hoạch quy định số bài kiểm tra và thời gian kiểm tra**

Thực hiện theo Thông tư 26/2020/TT-BGD ĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi bổ sung một số điều của thông tư 58/2011/TT-BGDĐT Quy chế đánh giá, xếp loại HS THCS và HS THPT, thống nhất như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Môn** | **Khối 6** | | | **Khối 7** | | | | **Khối 8** | | | | **Khối 9** | | | |
|  | Tiết/  năm | KTTX | KTGK | Tiết/  năm | KTTX | KTGK | Tiết/  năm | | KTTX | KTGK | Tiết/  năm | | KTTX | KTGK |
| **Công Nghệ** | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 52 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 52 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Địa** | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 52 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 53 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **GDCD** | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Hóa** |  |  |  |  |  |  | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Mỹ Thuật** | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 17 HKII | | M: (1)  15p:(1) | 1  Tuần 9 (27) |
| **Lý** | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Âm Nhạc** | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 35 | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) | 18  HKI | | M: 1  15p:1 | 1  Tuần 9 (27) |
| **N Ngữ** | 105 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 105 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 105 | | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Sinh** | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Sử** | 35 | M: 1  15p:1  Tháng | 1  Tuần 9 (27) | 70 | M: 1  15p:2  Tháng | 1  Tuần 9 (27) | 53 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 52 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **TD** | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) | 70 | | M: 1  15p:2 | 1  Tuần 9 (27) |
| **Toán** | 140 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 140 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 140 | | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 140 | | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** |
| **Văn** | 140 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 140 | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 140 | | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** | 175 | | M: 2  15p:2 | 1  Tuần 9 (27)  **(90p)** |

**D. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Ban giám hiệu**

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn thực hiện chủ trương đổi mới, tích cực đôn đốc và tạo điều kiện cho giáo viên thực hiện đổi mới PPDH và PPKT-ĐG; định hướng cho giáo viên phương pháp thực hiện đúng theo hướng dẫn của PGD.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học phù hợp với đơn vị. Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên theo kế hoạch.

- Tạo điều kiện tốt nhất để giáo viên thực hiện thành công việc đổi mới KTĐG trong năm học. Thường xuyên động viên, khuyến khích phát huy năng lực công tác của GVNV; Kiên quyết xử lý các sai phạm trong công tác.

- Phê duyệt Kế hoạch môn học và các hoạt động giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên làm căn cứ để thanh tra, kiểm tra.

  - Tiến hành hướng dẫn giáo viên thực hiện KTĐG phát triển năng lực học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng; thực hiện đánh giá tiết dạy của giáo viên, hướng dẫn ra đề kiểm tra có hiệu quả,đảm bảo kiểm tra khách quan năng lực học sinh.

- Thống nhật nội dung sinh hoạt trong cụm chuyên môn để cùng nhau trao đổi, xây dựng đề kiểm tra chung đối với bộ môn Tiếng Anh.

- Thường xuyên bao quát các hoạt động chuyên môn, kiểm tra đánh giá theo định kỳ, kịp thời chấn chỉnh những sai phạm và yếu kém; chỉ đạo nâng cao chất lượng sinh hoạt của tổ chuyên môn.

**2. Trách nhiệm của các tổ trưởng CM**

- Bám sát các văn bản hướng dẫn và các ý kiến chỉ đạo của BGH nhà trường về các biện pháp nâng cao chất lượng giảng dạy, triển khai đầy đủ cho tổ viên thông qua các buổi sinh hoạt tổ chuyên môn.

- Chủ động trong việc chủ trì sinh hoạt tổ chuyên môn bàn về các biện pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng đối tượng học sinh; Phổ biến các cách dạy hay, có hiệu quả cho tổ viên.

- Giúp BGH kiểm soát kế hoạch dạy học của các giáo viên trong tổ.

- Chủ trì sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn.

- Đôn đốc việc thực hiện kế hoạch dạy học của giáo viên trong tổ.

- Tham gia vào quá trình bình xét thi đua.

**3. Trách nhiệm của giáo viên bộ môn**

- Mỗi giáo viên bộ môn phải xem việc đổi mới KTĐG theo định hướng phát triển năng lực của học sinh là một việc làm thường xuyên và được thể hiện cụ thể ngay trong tất cả các khâu của cả quá trình dạy học.

- Tất cả các giáo viên phải có ý thức tự học tập nâng cao trình độ giảng dạy thông qua việc thường xuyên dự giờ, học tập kinh nghiệm từ các đơn vị bạn, nghiên cứu cách dạy hay, tra cứu thông tin trên mạng, tham gia nghiêm túc và vận dụng triệt để các nội dung đã được tập huấn, tuân thủ tuyệt đối chỉ đạo từ phía hiệu trưởng nhà trường.

- Mỗi giáo viên phải tích cực học tập nghiên cứu tài liệu và tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn của phòng GD tổ chức.

- Trực tiếp triển khai thực hiện Kế hoạch dạy học các môn được phân công giảng dạy.

Trên đây là kế hoạch thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học của trường THCS Nguyễn Huệ năm học 2020-2021. Yêu cầu các Tổ chuyên môn và giáo viên nghiêm túc triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận**:                                                     **NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

- Phòng GD&ĐT (b/c); **P. HIỆU TRƯỞNG**

- Các tổ CM (t/h);

- Website trường;

- Lưu: VT.

**Vũ Minh Tân**